TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06-8-2020
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Tấn.

2. Ông Lý Văn Tòng.

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá *tham gia phiên tòa*: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 128/2020/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20/7/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bàn Thị T**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn T1, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn T1, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Bàn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn M được tự do tìm hiểu, đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán; anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C theo quy định của pháp luật vào ngày 15/12/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị

làm ăn, sinh sống tại thôn T1, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Khi mâu thuẫn vợ chồng xẩy ra anh chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được.

Anh M đi làm ăn xa khỏi địa phương, thỉnh thoảng anh M có gọi điện về hỏi thăm gia đình nhưng anh M cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ nên chị T không cung cấp được địa chỉ chính xác nơi tạm trú và làm việc của anh M. Hiện tại chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn để quay về xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị sinh được 01 con chung tên là Nguyễn Thùy L, sinh ngày 16/11/2007. Chị có quan điểm đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Nguyễn Văn M đến để giải quyết việc chị T đề nghị ly hôn nhưng anh M đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh M vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T1, xã P, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của bà Dương Thị Ruộm (mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn M) thì anh M và chị T có được tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới thì vợ chồng anh M, chị T ở chung cùng gia đình nhà bà tại tại thôn T1, xã P, huyện C . Cuộc sống chung của vợ anh M, chị T hòa thuận đến năm 2017 thì mâu thuẫn xảy ra. Nguyên nhân do chị T đi lao động xuất khẩu tại nước ngoài nên vợ chồng không có thời gian chăm sóc cho nhau, tình cảm vợ chồng phai nhạt dần. Trước tết Nguyên đán chị T về nước nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Chị T làm đơn xin ly hôn với anh M, anh M có biết và nhất trí ly hôn nhưng do đi làm ăn xa nên không về, anh M có nói với chị T cứ giải quyết ly hôn đơn phương. Bà R cũng không biết địa chỉ nơi ở tạm trú của anh M. Gia đình bà có nhận được văn bản của Tòa án và đã thông báo cho anh M biết việc chị T xin ly hôn nhưng anh M không về.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Bàn Thị T: Cho chị Bàn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

- Giao cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 16/11/2007 cho chị Bàn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung chị Bàn Thị T xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Bàn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Bàn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn M; Anh Nguyễn Văn M có hộ khẩu thường trú tại thôn T1, xã P, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Nguyễn Văn M có hộ khẩu thường trú tại thôn T1, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Anh M đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ anh M đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình anh M đã thông báo cho anh M nhưng anh M vẫn không về và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Nguyễn Văn M vẫn vắng mặt lần thứ hai, chị Bàn Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị T và anh Nguyễn Văn M có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 15/12/2006 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng chị T, anh M thực tế đã không tồn tại từ năm 2017 đến nay; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc

trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị T và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị T là xử cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

[2.2] Về con chung: Chị Bàn Thị T và anh Nguyễn Văn M có 01 con chung là cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 16/11/2007. Xét thấy hiện anh Nguyễn Văn M không có mặt tại địa phương nên cần giao cháu Nguyễn Thùy L cho chị Bàn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Bàn Thị T xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự, chị Bàn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn); các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Bàn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn M. Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh M chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 16/11/2007 cho chị Bàn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Chị Bàn Thị T phải nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2018/0002677, ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Anh Nguyễn Văn M không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bàn Thị T và anh Nguyễn Văn M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND xã P;
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Bích Ngọc